




BÁO CÁO VĨ MÔ

THÁNG 11 NĂM 2024

Trung tâm phân tích <GO>



1  **Lạm phát trong tháng vẫn được kiểm soát**
11 tháng 2024 tăng **+3.69% YoY**
Lạm phát cơ bản tăng **+2.70% YoY**

2  **Tổng bán lẻ tăng tốc nhưng vẫn còn chậm**
11 tháng 2024 đạt 5,822 nghìn tỷ đồng
tăng **+8.82% YoY**

3  **Xuất khẩu duy trì tăng trưởng**
11 tháng 2024, kim ngạch XNK **thặng dư 24.3 tỷ USD**
Xuất khẩu 369.9 tỷ USD (+14.45% YoY)
Nhập khẩu 345.6 tỷ USD (+16.37% YoY)


4  **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) phục hồi**
Tháng 11 chỉ số IIP tăng
+2.29% MoM và +8.94% YoY

5  **Giải ngân đầu tư công còn khá chậm**
Lũy kế 11 tháng giải ngân vốn đầu tư công đạt
410,953 tỷ đồng, đạt 54.8% kế hoạch

6  **Dòng vốn FDI tiếp tục giảm tốc**
FDI đăng ký lũy kế 11 tháng 2024 đạt
31.4 tỷ USD, +0.99% YoY
chủ yếu vào nhóm Công nghiệp chế tạo

7  **Lãi suất Interbank giảm ở kỳ hạn qua đêm**
ON: 3.11% từ 3.54% tháng trước
3M: 5.52% từ 4.61% tháng trước

8  **Tỷ giá USD/VND áp lực tiếp tục tăng**
Tỷ giá VCB tăng **0.28% MoM, tăng 4.45% YoY**

9  **VN-Index tiếp tục giảm**
Kết thúc tháng 11 tại 1,250 điểm, **giảm -14.0 điểm**
Thanh khoản 14,219 tỷ đồng/phiên, **giảm -11.39% MoM**

- **Kinh tế Việt Nam năm 2024 duy trì ổn định và có sự phục hồi tích cực, đặc biệt trong xuất khẩu và sản xuất công nghiệp.** Tuy nhiên, đầu tư công giải ngân chậm và dòng vốn FDI tăng trưởng thấp đã phần nào hạn chế đà tăng trưởng. Triển vọng năm 2025 được dự báo tích cực hơn nhờ sự hồi phục kinh tế toàn cầu, các chính sách bảo hộ thương mại của ông Trump thúc đẩy dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam, và dòng vốn FDI mạnh vào các lĩnh vực chế biến chế tạo, công nghệ, và năng lượng sạch. Tuy nhiên, cần lưu ý một số rủi ro như áp lực từ lạm phát và tỷ giá do USD mạnh lên, bất ổn địa chính trị, sự phục hồi không đồng đều của các thị trường xuất khẩu lớn, và tiến độ cải cách hành chính, pháp lý còn chậm. Với những cơ hội và thách thức đan xen, năm 2025 hứa hẹn sẽ là thời điểm Việt Nam phải khẳng định năng lực thích ứng và tận dụng tối đa các động lực tăng trưởng mới.

1. Giá điện tăng mạnh nhưng Lạm phát vẫn được kiểm soát

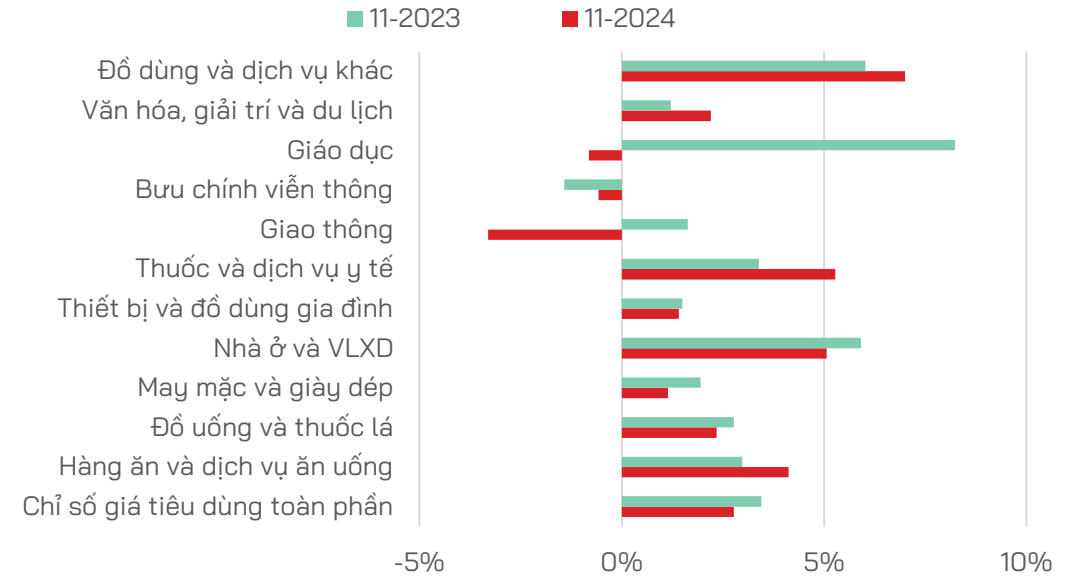
Chỉ số tiêu dùng CPI trong tháng 11 tiếp tục tăng nhẹ +0.13% so với tháng trước và tăng 2.77% so với cùng kỳ

- Yếu tố tác động mạnh nhất đến lạm phát trong tháng này là là giá điện chính thức tăng 4.8% so với giá bình quân hiện hành, tuy nhiên việc chỉ số CPI chỉ tăng nhẹ trong tháng 11 cho thấy sự kiểm soát lạm phát tốt của Chính phủ, đặc biệt việc kiểm soát thanh khoản hệ thống để duy trì sự cân bằng giữa lãi suất và tỷ giá. Ngoài ra, giá xăng dầu giảm (trong bối cảnh nền kinh tế hồi phục chậm) cũng giúp giảm thiểu áp lực lạm phát.
- Nhà ở & Vật liệu Xây dựng tăng trưởng mạnh trong tháng 11 trong bối cảnh phục hồi và rủi ro xung đột địa chính trị tăng mạnh đứt gãy chuỗi cung ứng. Ngược lại, giá thịt lợn và giá vé máy bay giảm giúp chỉ số CPI hạ nhiệt.

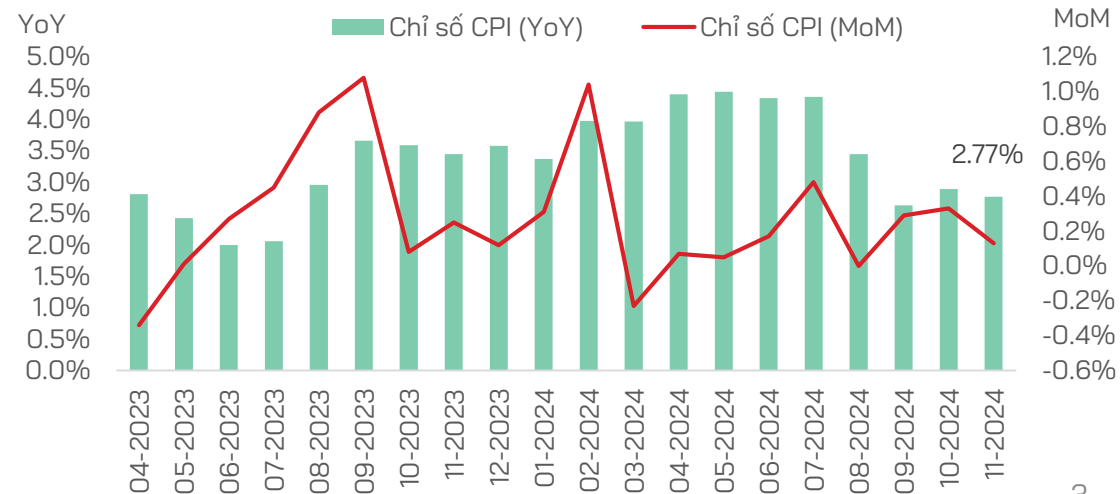
Lũy kế 11 tháng 2024, CPI tăng 3.69% dưới mức trần 4.5% của chính phủ. Mục tiêu kiểm soát lạm phát trong năm 2024 sẽ hoàn thành kế hoạch nếu không có biến động nào quá bất ngờ trong tháng 12. Yếu tố áp lực lên lạm phát trong các tháng sẽ là Tỷ giá USD/VND tăng trở lại do các chính sách thuế quan và biện pháp tài khóa khi ông Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ.

Chỉ số giá tiêu dùng YoY (%)	11/2024	11/2023	Lũy kế	MoM
Chỉ số giá tiêu dùng toàn phần	2.77%	3.45%	3.69%	0.13%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	4.12%	2.98%	4.05%	-0.22%
Đồ uống và thuốc lá	2.34%	2.77%	2.42%	0.26%
May mặc và giày dép	1.14%	1.95%	1.42%	0.21%
Nhà ở và VLXD	5.06%	5.91%	5.21%	0.87%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.41%	1.50%	1.25%	0.08%
Thuốc và dịch vụ y tế	5.28%	3.39%	7.33%	0.05%
Giao thông	-3.30%	1.63%	0.91%	-0.07%
Bưu chính viễn thông	-0.57%	-1.42%	-1.06%	-0.30%
Giáo dục	-0.81%	8.23%	5.98%	0.11%
Văn hóa, giải trí và du lịch	2.20%	1.21%	1.94%	0.20%
Đồ dùng và dịch vụ khác	7.00%	6.02%	6.53%	0.29%
Lạm phát cơ bản	2.77%	3.15%	2.70%	0.24%

Chỉ số giá theo nhóm mặt hàng, dịch vụ



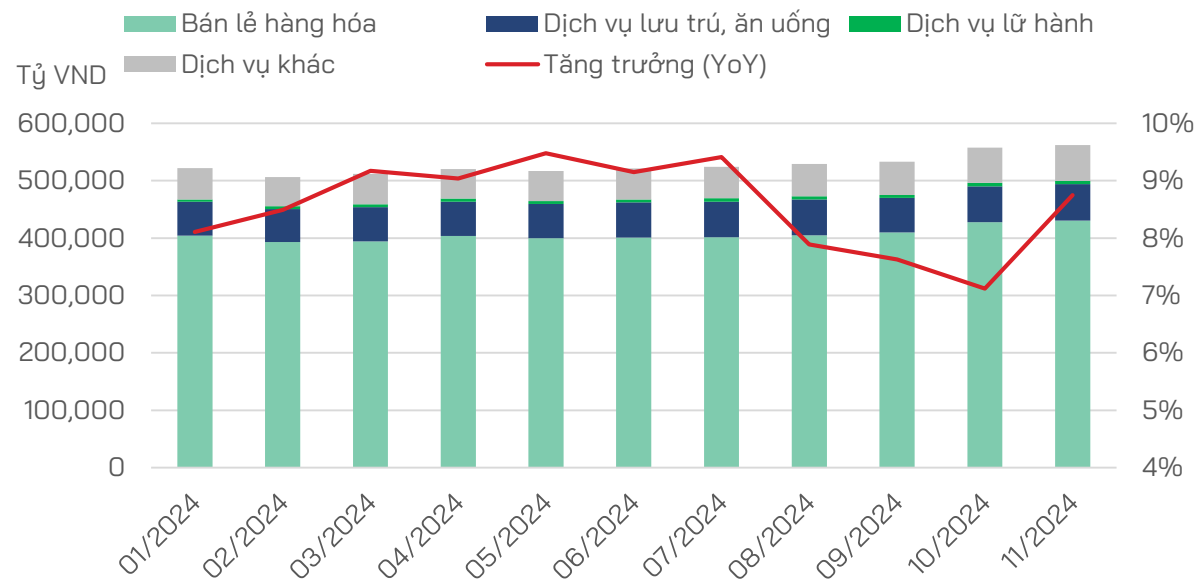
Chỉ số giá tiêu dùng



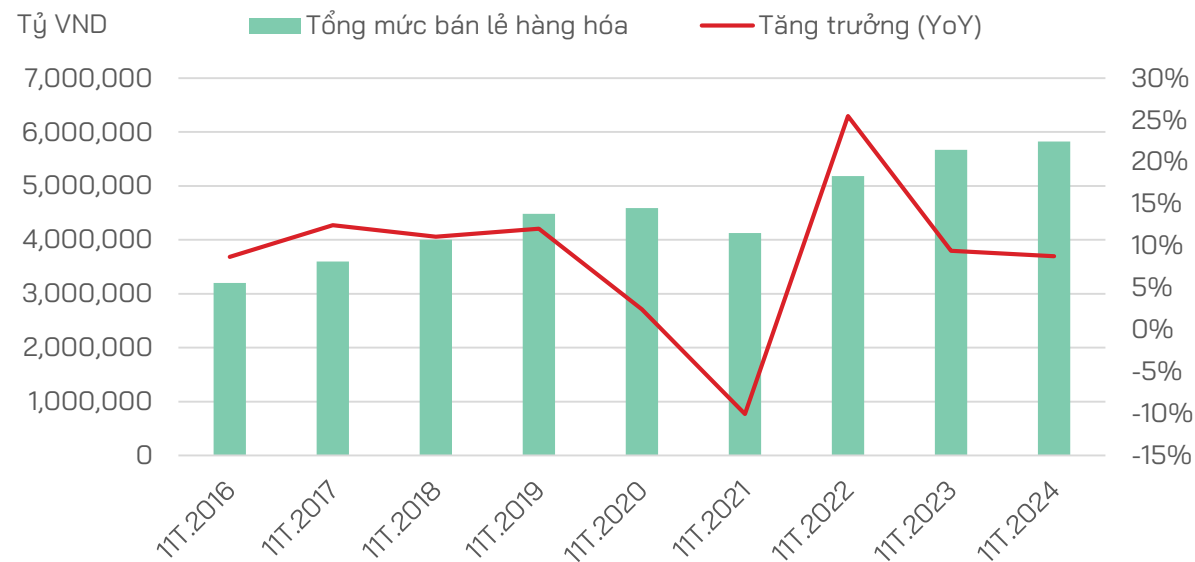
2. Tiêu dùng tăng tốc nhưng vẫn còn chậm

- **Tổng mức bán lẻ trong tháng 11/2024 đạt 562 nghìn tỷ đồng, +0.81% MoM và +8.75% YoY.** Tổng mức bán lẻ tăng trưởng mạnh được thúc đẩy bởi Dịch vụ lưu trú & ăn uống (+1.89% MoM, +12.89% YoY) và Dịch vụ lữ hành (-3.42% MoM, +12.49% YoY).
- **Lũy kế 11 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 5,822 nghìn tỷ đồng, tăng +8.82% so với cùng kỳ.** Trong đó, hoạt động Bán lẻ hàng hóa đạt 4,487.3 nghìn tỷ đồng (+8.09% YoY), Dịch vụ lưu trú ăn uống đạt 669.1 nghìn tỷ đồng (+13.02% YoY), Dịch vụ lữ hành đạt 57.4 nghìn tỷ đồng (+17.32% YoY) và Dịch vụ khác đạt 608.5 nghìn tỷ đồng, (+9.05% YoY).
- **Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm thận trọng với triển vọng ngắn hạn của ngành bán lẻ do:** (1) Doanh nghiệp sản xuất có sự phục hồi nhưng nhu cầu lao động vẫn ở mức thấp sẽ ảnh hưởng đến tổng sức mua tiêu dùng, (2) Sự chậm lại ở nhóm bán lẻ và du lịch do kết thúc kỳ nghỉ hè, (3) Tâm lý tiết kiệm của người dân. Tuy nhiên, Chúng tôi duy trì dự báo tốc độ tăng trưởng sẽ trở lại như trước đặc biệt từ Quý 2/2025 (trên mức 10%YoY) trong trung dài hạn khi nền kinh tế được phục hồi và việc chuyển đổi số áp dụng công nghệ trong thương mại điện tử (thúc đẩy các mô hình như mua sắm đa kênh song song online lẫn cửa hàng).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng



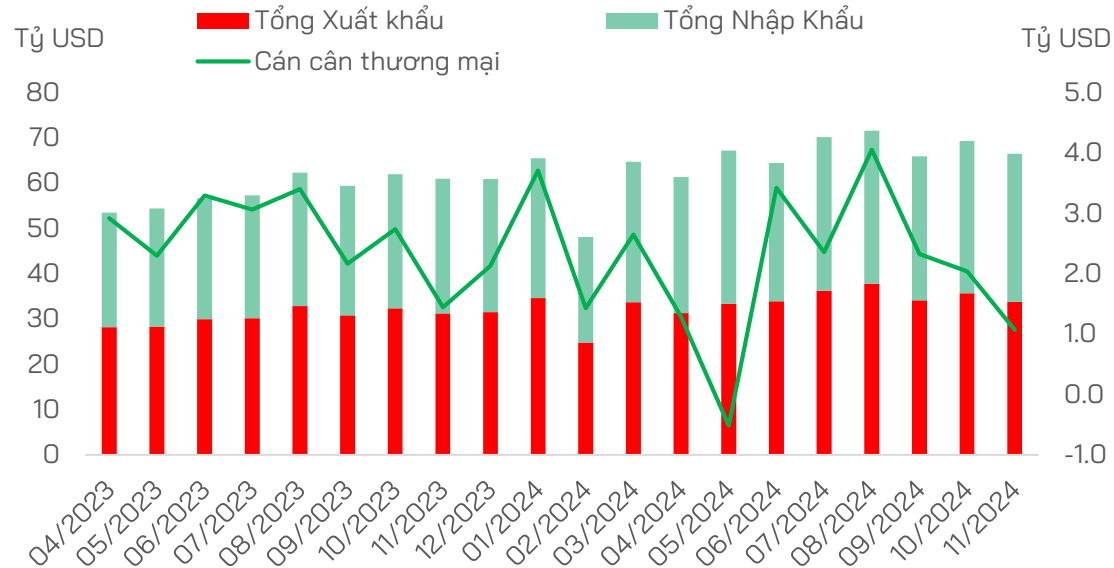
Tổng mức bán lẻ lũy kế 11 tháng hàng năm



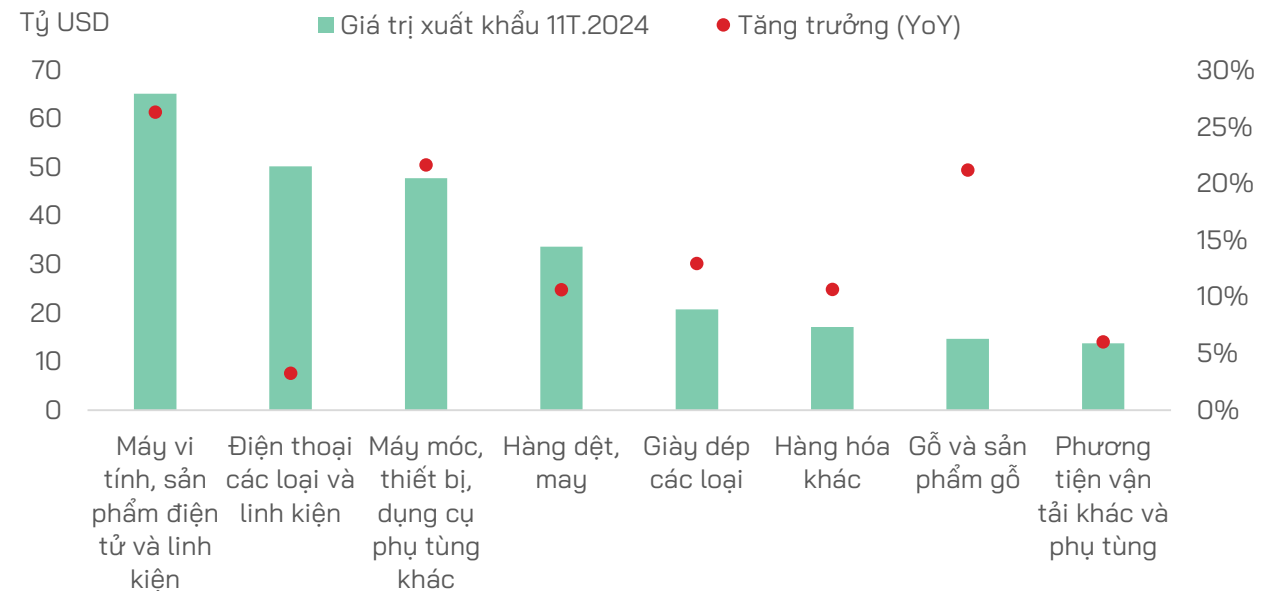
3. Xuất khẩu 11 tháng duy trì ở mức tăng trưởng gần mốc 15%

- Trong tháng 11/2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giảm so với kỳ trước đạt 66.4 tỷ USD (-4.09% MoM, +8.97% YoY) với Cán cân thương mại đạt 1.07 tỷ USD. Hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu đều có dấu hiệu suy giảm so với tháng trước khi lần lượt xuất khẩu đạt 33.73 tỷ USD (-5.33% MoM, +8.16% YoY) chiếm 50.8% tổng kim ngạch và nhập khẩu đạt 32.67 tỷ USD (-2.78% MoM, +9.81% YoY) chiếm 49.2% tổng kim ngạch. Cụ thể, các sản phẩm như Than đá (Xuất và nhập khẩu giảm lần lượt -67.64% YoY và -39.17% YoY), Dầu thô (-53.77% YoY và -17.22% YoY), Máy ảnh và máy quay phim (-41.27% YoY và -24.84% YoY).
- Lũy kế 11 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 715.6 tỷ USD (+15.37% YoY), trong đó Nhập khẩu đạt 345.6 tỷ USD (chiếm 48.3%, +16.37% YoY) và Xuất khẩu đạt 369.9 tỷ USD (chiếm 51.7%, +14.45% YoY). Cán cân thương mại thặng dư 24.3 tỷ USD, giảm -7.34% so với cùng kỳ năm trước.
- Chúng tôi cho rằng xuất nhập khẩu sẽ tiếp tục hồi phục trong thời gian tới, đặc biệt xuất khẩu sẽ duy trì ở mức tăng trưởng 15% trong năm 2024 và sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2025 với (1) Các dấu hiệu tích cực của FDI (2) Thương mại toàn cầu dự báo sẽ tăng trong năm 2025, (3) Cải cách về chính sách thương mại và hải quan giúp giảm chi phí và thời gian trong các quy trình hành chính.

Xuất nhập khẩu theo tháng



Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn trong 11 tháng năm 2024



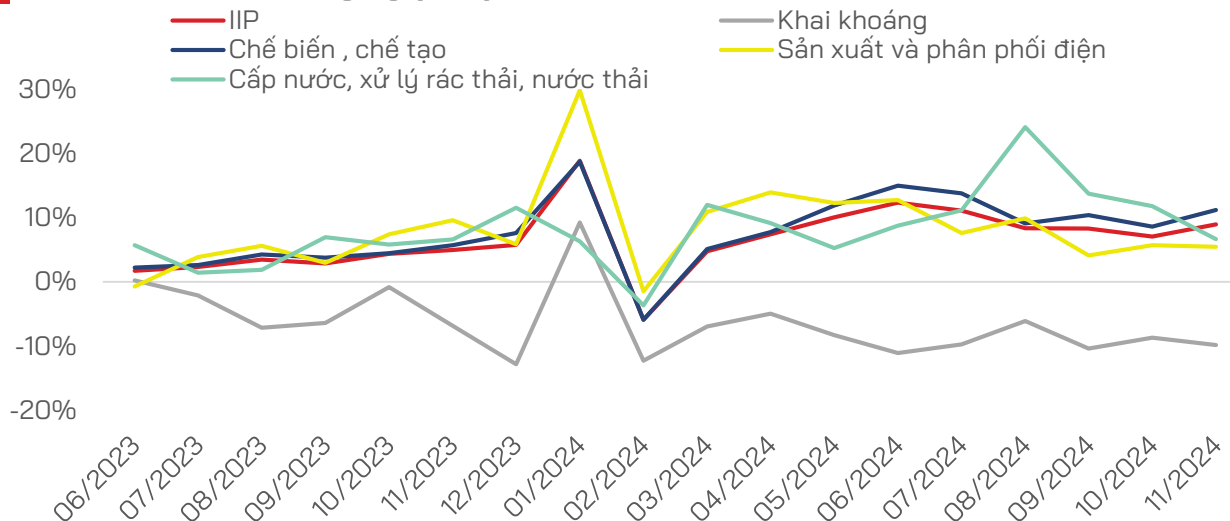
4. Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục tăng trưởng, đây là mức tăng trưởng tốt khi tăng 2.29% với tháng trước và 8.94% so với cùng kỳ khi nhu cầu nhập hàng mạnh hơn trong bối cảnh các chính sách thuế quan của Mỹ chuẩn bị được xác nhận

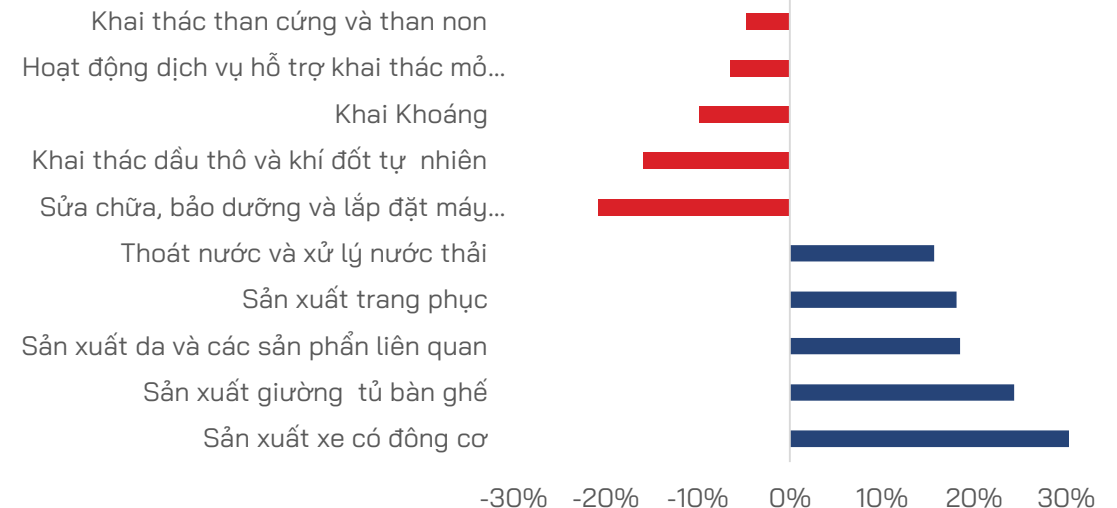
- **Nhóm khai khoáng (+1.72% MoM, -9.85% YoY).** Nhóm khai khoáng đã có tháng thứ 2 liên tiếp phục hồi mặc dù vẫn thấp hơn so với cùng kỳ, trong đó một số nhóm tiêu biểu như Khai thác Than cứng & Than non (+7.02% MoM, -4.68% YoY), Khai thác Quặng kim loại (+21.42% MoM, +9.35% YoY).
- **Nhóm Công nghiệp Chế biến chế tạo (+3.19% MoM, +11.22% YoY)** đà tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng vẫn ở mức thấp (so với biên độ tăng quá khứ ở mức 12-15%). Cụ thể, Sản xuất chế biến thực phẩm (+3.09% MoM, +10.91% YoY) Sản xuất da (+3.91% MoM, +18.47% YoY), Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+1.23% MoM, +14.04% YoY), Sản xuất sản phẩm điện tử (+6.33% MoM, +11.95% YoY).
- **Chỉ số nhóm Sản xuất và phân phối điện (-3.16% MoM, +5.46% YoY)** tiếp tục duy trì được xu hướng tăng do nhu cầu sử dụng điện duy trì đà tăng.
- **Mảng cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-2.79% MoM, +6.67% YoY)** duy trì đà tăng ổn định ở hoạt động Khai thác, xử lý & cung cấp nước (+1.48% MoM, +4.4% YoY) và Thoát nước & xử lý nước thải (-0.01% MoM, -0.27% YoY).

Năm 2024, sản xuất công nghiệp đã có sự phục hồi đáng khích lệ với chỉ số IIP tăng trưởng ổn định nhờ nhu cầu xuất khẩu cải thiện và các chính sách thương mại hỗ trợ. Nhóm chế biến chế tạo tiếp tục là động lực chính, trong khi nhóm khai khoáng ghi nhận tín hiệu phục hồi dù vẫn thấp hơn cùng kỳ. Các nhóm sản xuất và phân phối điện, cung cấp nước duy trì tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu nội địa. Tuy nhiên, mức tăng trưởng vẫn chưa đạt biên độ cao như giai đoạn trước, phản ánh khó khăn từ chi phí đầu vào và thị trường phục hồi nhưng còn chậm.

Chỉ số IIP so với cùng kỳ (YoY)



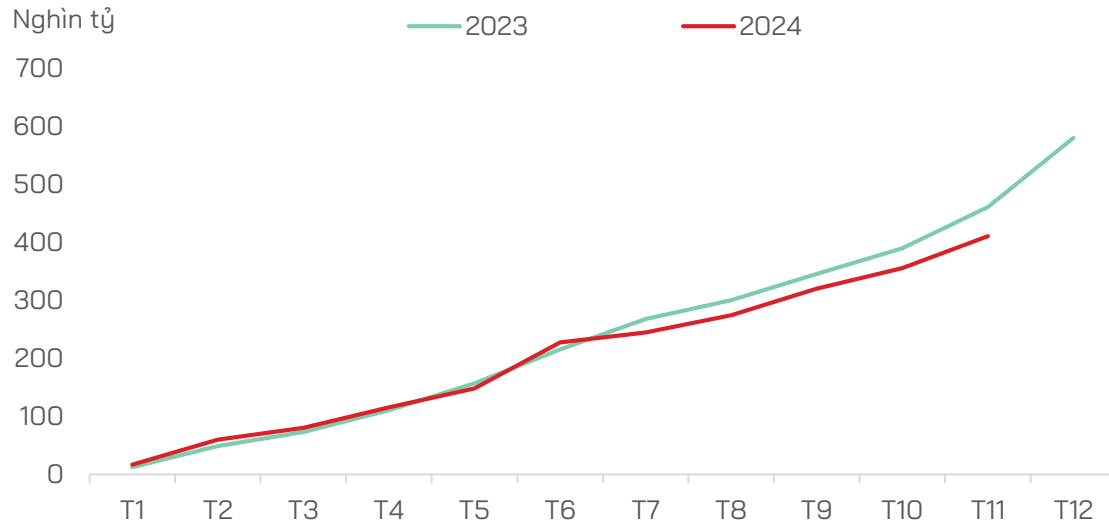
Top 5 ngành tăng giảm mạnh nhất (YoY)



5. Giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt kế hoạch

- **Giải ngân đầu tư công từ đầu năm đến hết tháng 11/2024 là 438,852 tỷ đồng, đạt 54.4% tổng kế hoạch.** Trong đó, ước giải ngân vốn kế hoạch các năm trước kéo sang năm 2024 đạt 27,899 tỷ đồng đạt 49.1% kế hoạch, ước giải ngân vốn kế hoạch năm 2024 là 410,953 tỷ đồng, đạt 54.8% kế hoạch và 60.43% kế hoạch Thủ tướng giao, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023 (59.4% kế hoạch và đạt 65.1% kế hoạch Thủ tướng giao). Một số địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 40% như: TP.HCM (22.52%), Phú Yên (30.78%), Bắc Ninh (34.13%), Kiên Giang (34.31%).
- **Nguyên nhân giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn chậm:** vướng mắc về cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, khiến nhiều dự án gặp khó khăn trong triển khai. Công tác giải phóng mặt bằng và quy hoạch sử dụng đất gặp nhiều trở ngại, trong khi nguồn cung nguyên vật liệu lại không ổn định, ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Thêm vào đó, các thủ tục đầu tư và quy trình giải ngân, đặc biệt với các dự án ODA, phức tạp và kéo dài.
- **Khả năng đạt được kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công vào cuối năm 2024 sẽ đối mặt với nhiều thách thức.** Hiện tại, tỷ lệ giải ngân mới đạt 54.4% kế hoạch sau 11 tháng, trong khi các năm trước thường đạt hơn 60% vào cùng kỳ. Điều này tạo áp lực lớn cho tháng cuối năm, yêu cầu các địa phương và cơ quan thực hiện phải tăng tốc đáng kể. Điểm tích cực là Chính phủ đã có những biện pháp mạnh mẽ như đẩy nhanh sửa đổi chính sách pháp luật, tổ chức các tổ công tác đặc biệt hỗ trợ các địa phương, và tập trung tháo gỡ các vướng mắc về giải phóng mặt bằng, nguồn cung nguyên vật liệu, và quy trình giải ngân. Nếu các giải pháp này được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, tốc độ giải ngân có thể được đẩy nhanh trong thời gian còn lại.

Giải ngân vốn đầu tư công



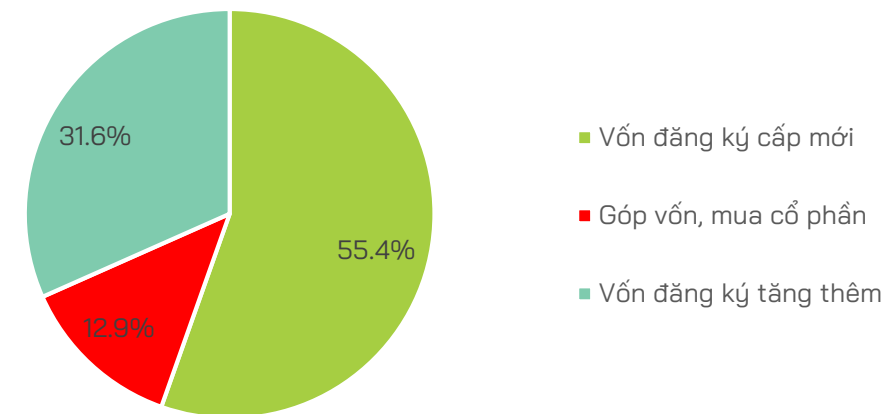
Vốn đầu tư ngân sách theo các bộ



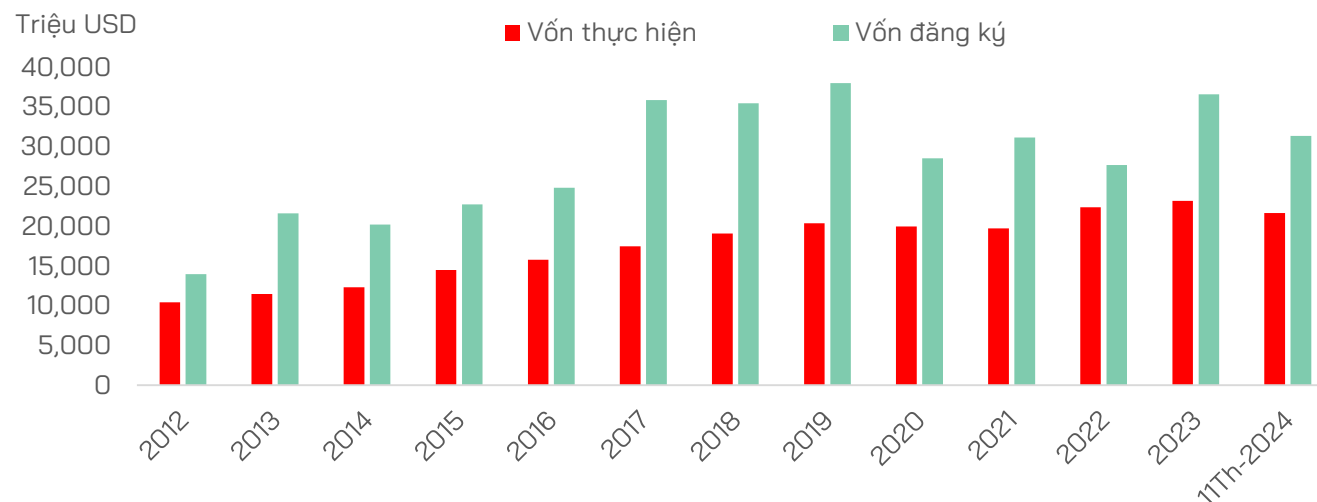
6. Dòng vốn FDI tiếp tục chậm lại trong tháng 11

- **Tổng vốn FDI đăng ký lũy kế 11 tháng năm 2024 ở mức 31.4 tỷ USD, +0.99%YoY.** Trong đó, số dự án được cấp mới là 3,035 với giá trị 17.4 tỷ USD, có 1,350 dự án góp vốn mua cổ phần với giá trị 4.1 tỷ USD và 3,029 dự án vốn đăng ký tăng thêm với giá trị 9.9 tỷ USD. Tổng vốn thực hiện từ đầu năm đạt 21.7 tỷ USD, +7.06%YoY.
- **Bắc Ninh dẫn đầu cả nước về thu hút FDI,** đạt gần 5.04 tỷ USD, tương đương 16.1% tổng đầu tư FDI, tăng +7.29%MoM.
- **Lĩnh vực thu hút FDI hàng đầu vẫn là Chế biến chế tạo với tỷ trọng là 64.4%,** tiếp theo là Bất động sản với tỷ trọng là 17.9%.
- **Vốn FDI tiếp tục chậm lại trong tháng 11 đúng theo nhận định trong các báo cáo trước.** Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng dòng vốn này sẽ sớm tăng trở lại từ năm 2025 nhờ (1) Các chính sách mới của Mỹ dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam, tương tự như tác động trong nhiệm kỳ trước của ông Trump với các biện pháp bảo hộ thương mại mạnh mẽ, (2) Việc áp dụng quỹ hỗ trợ đầu tư (ISF) sẽ thúc đẩy các dự án chiến lược, (3) Việt Nam duy trì vị thế là điểm đến hấp dẫn với cơ sở hạ tầng đang được cải thiện, chi phí lao động cạnh tranh, và môi trường đầu tư ổn định.

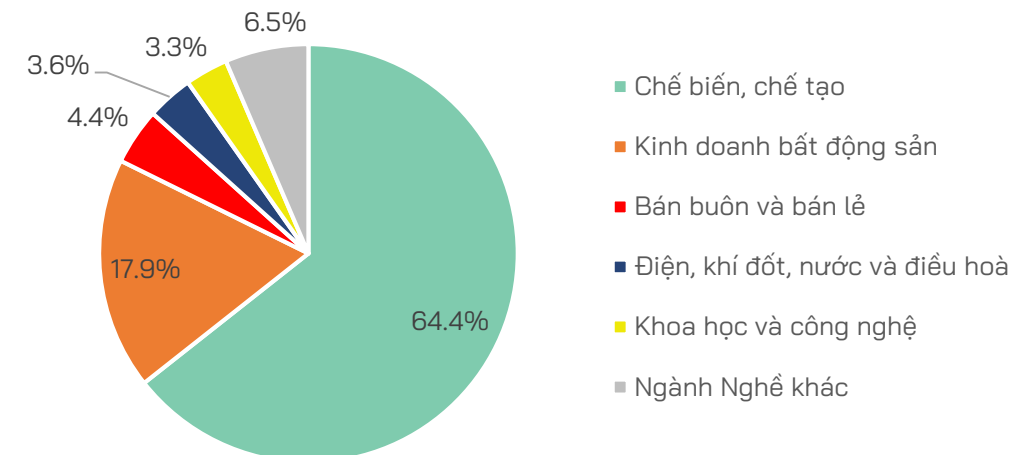
Cơ cấu tổng vốn đầu tư nước ngoài



FDI giải ngân và đăng ký



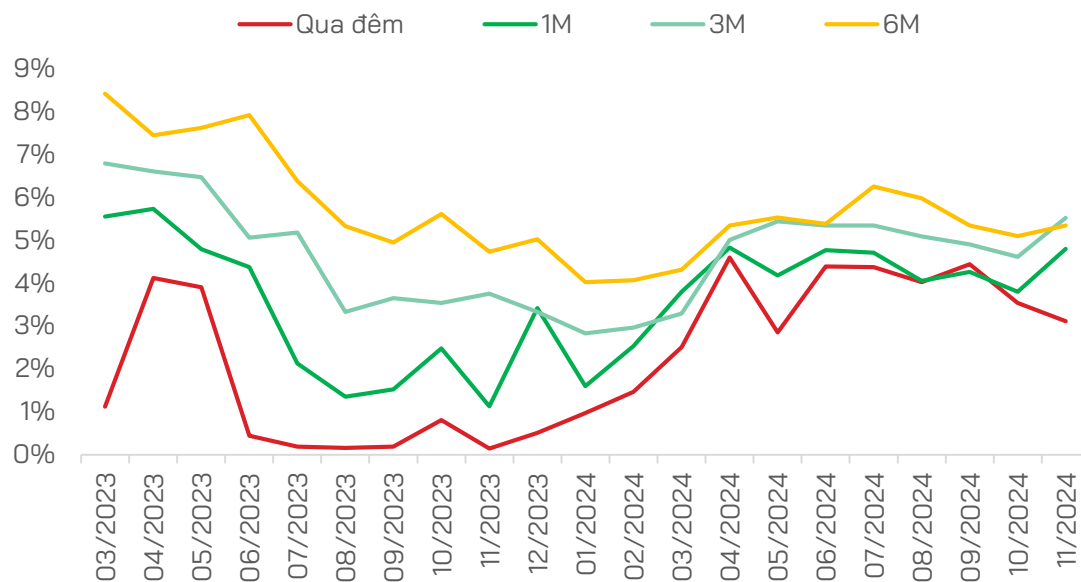
Top 5 lĩnh vực được đầu tư



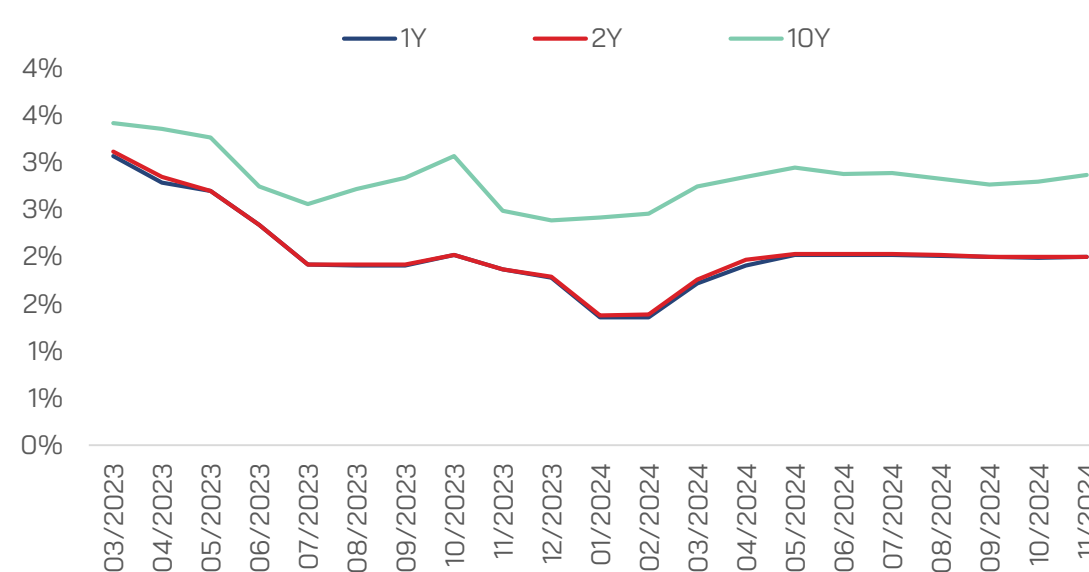
7. Lãi suất liên ngân hàng ở mức ổn định, rủi ro vĩ mô ở mức thấp

- **Lãi suất liên ngân hàng có sự khác biệt ở hầu hết các kỳ hạn:** ở kỳ hạn qua đêm (giảm 43bps về mức 3.11%), kỳ hạn 1 tháng (tăng 100bps lên mức 4.8%), kỳ hạn 3 tháng (tăng 91 bps lên mức 5.52%) và kỳ hạn 6 tháng (tăng 24 bps lên mức 5.34%). Mặt bằng lãi suất vẫn theo dự đoán của chúng tôi trong các báo cáo trước. Chúng tôi duy trì quan điểm về việc lãi suất sẽ ổn định hoặc tăng nhẹ (trừ khi có các tác động từ các công cụ hỗ trợ khác mạnh hơn từ NHNN) do: (1) Mặc dù tỷ giá tăng trở lại sau khi ông Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ nhưng áp lực tỷ giá hạ nhiệt khi Fed tiếp tục hạ lãi suất, (2) Chính phủ Việt Nam vẫn duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ phát triển nền kinh tế.
- **Lợi suất trái phiếu chính phủ tiếp tục đi ngang trong cả 3 kỳ hạn:** lợi suất tăng 1 bps ở kỳ hạn 1 năm lên mức 2%, đi ngang trong kỳ hạn 2 năm ở mức 2% và tăng 7bps ở kỳ hạn 10 năm lên mức 2.87%. Lợi suất trái phiếu chính phủ duy trì đi ngang hoặc giảm nhẹ trong 4 tháng vừa qua phản ánh mức độ rủi ro vĩ mô trong nước ổn định và ở mức thấp, tình hình kinh tế vẫn đang tiếp tục hồi phục. Chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm lợi suất trái phiếu sẽ tiếp tục đi ngang trong tháng 12.2024 và đầu năm 2025.

Lãi suất bình quân liên ngân hàng



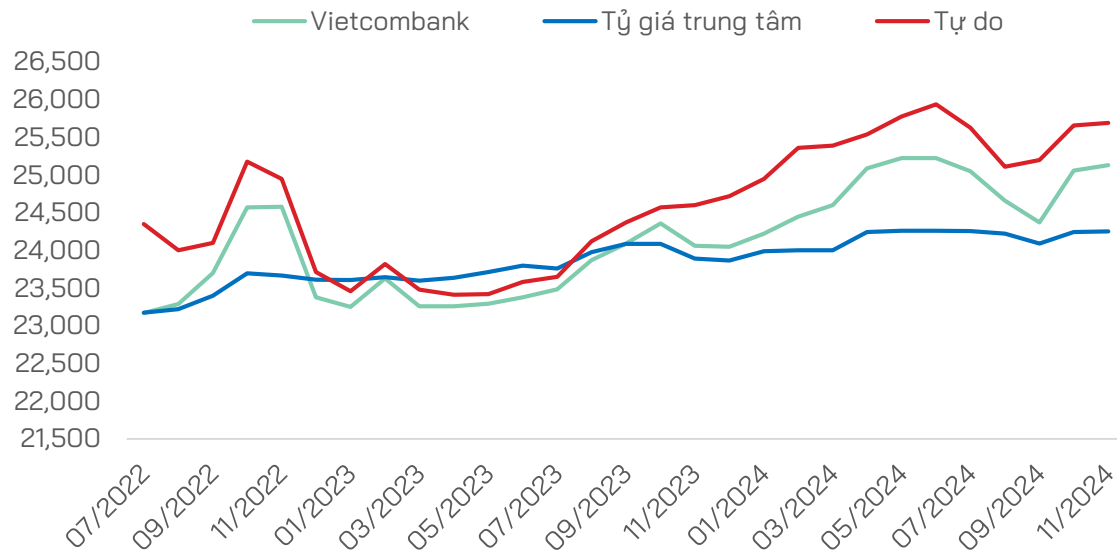
Lợi suất trái phiếu chính phủ



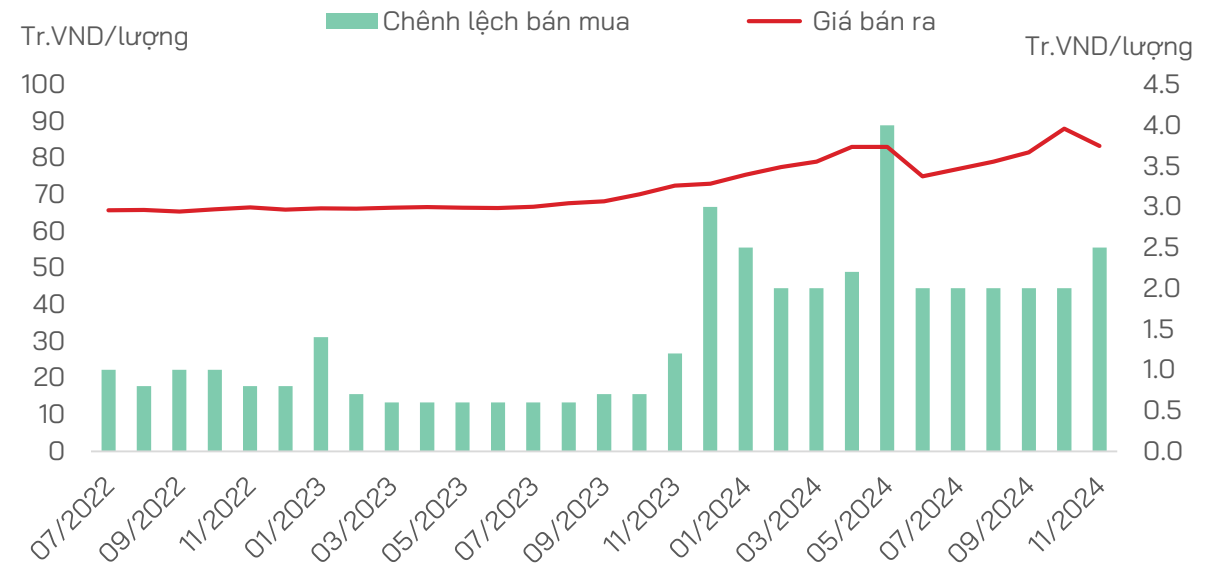
8. Tỷ giá tăng và Giá vàng tiếp tục chịu áp lực trong thời gian tới

- **Tháng 11/2024, cả Tỷ giá trung tâm, Tỷ giá ngân hàng (VCB) và Tỷ giá tự do đều có xu hướng tăng nhẹ lần lượt 0.03%MoM, 0.12% MoM và 0.28% MoM.** Chúng tôi duy trì quan điểm tỷ giá sẽ tiếp tục tăng do kỳ vọng về các chính sách kinh tế của ông Trump, làm đồng USD mạnh lên và lạm phát tại Mỹ tăng cao. Để đối phó với tình hình này, Ngân hàng Nhà nước đã can thiệp bằng cách bán ngoại tệ can thiệp. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá vẫn còn hiện hữu trong ngắn hạn, đặc biệt khi nhu cầu ngoại tệ tăng cao do yếu tố mùa vụ khi các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu cho mùa sản xuất cuối năm và các nghĩa vụ trả nợ quốc tế.
- **Giá vàng SJC trong nước giảm mạnh trong tháng 11/2024 ở cả 2 chiều mua và bán,** chiều mua (83.3 triệu VND/lượng, -5.34% MoM, +15.96% YoY) và chiều bán (85.8 triệu VND/lượng, -4.67% YoY, +16.58% YoY), chênh lệch bán mua sau 5 tháng đi ngang liên tiếp đã tăng 2.5 triệu VND/lượng. Giá vàng đang sụt giảm (theo luận điểm của chúng tôi trong báo cáo tháng trước, việc ông Trump ủng hộ đồng USD sẽ khiến giá vàng thế giới và Việt Nam sẽ giảm giá trong thời gian tới).

Tỷ giá VND/USD



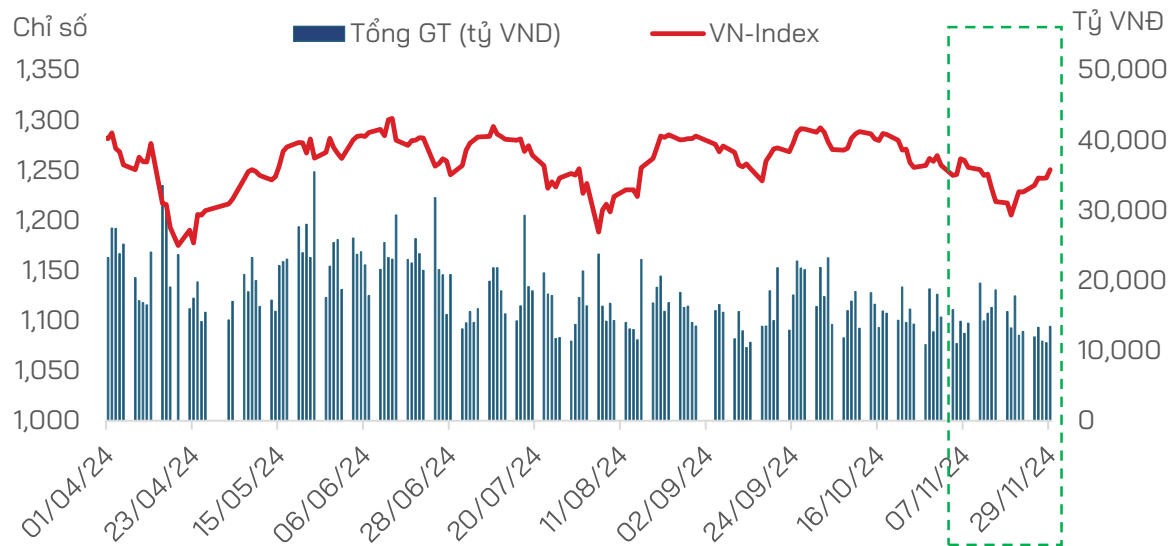
Giá vàng SJC



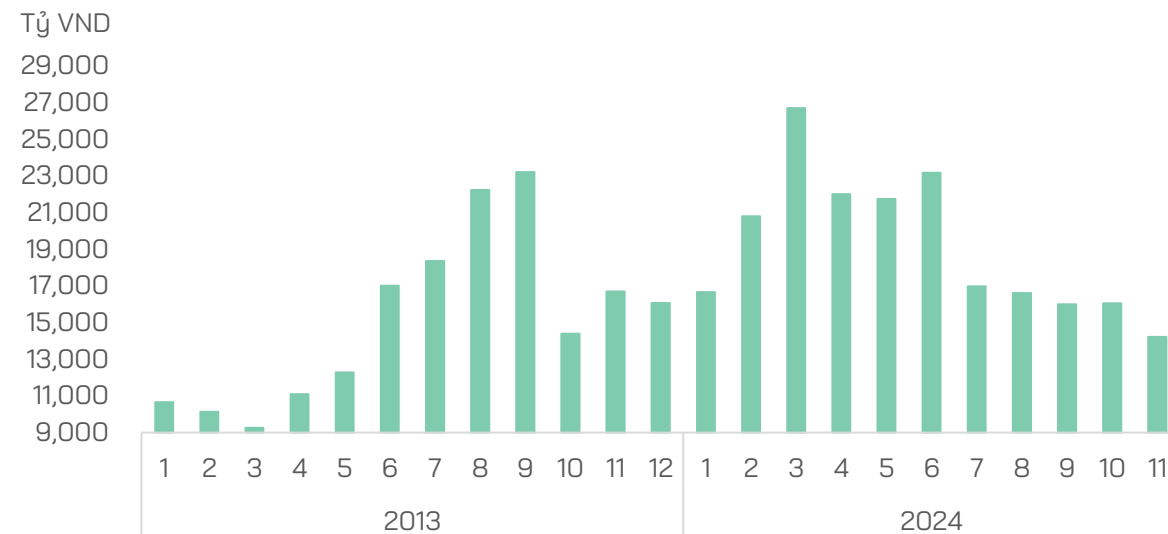
9. Thanh khoản giảm kỷ lục, mục tiêu 1,300 nhiều khả năng không đạt được

- **VN-Index kết thúc tháng 11/2024 tại 1,250 điểm, giảm tháng thứ 2 liên tiếp với mức giảm 14.0 điểm (-1.11%) so với tháng trước.** Giá trị giao dịch ở mức đáy kể từ tháng 5/2023, chỉ đạt trung bình 14,219 tỷ đồng/phiên, giảm 11.39% so với tháng trước và giảm 19.94% so với trung bình 5 tháng gần nhất.
- **Dòng tiền và chỉ số giá giảm ở các nhóm cổ phiếu Ngành Ngân hàng, Dịch vụ Tài chính (Chứng khoán), Thép, Bán lẻ.** Đặc biệt, các cổ phiếu nhóm Thép và Chứng khoán có tỷ trọng dòng tiền đã tiệm cận mức đáy.
- **Nhóm có dòng tiền và chỉ số giá tăng ở các cổ phiếu ngành Công nghệ Thông tin, Viễn thông, Vận tải biển, Logistics.** Trong đó, đáng chú ý nhóm cổ phiếu CNTT và Viễn thông có tỷ trọng đạt đỉnh trong vòng 10 tháng trong khi nhóm Vận tải biển và Logistics đang hồi phục từ đáy.
- Nhóm Bất động sản có tỷ trọng dòng tiền tăng trong tháng 10 nhưng chỉ số giá giảm nhẹ do các cổ phiếu có sự phân hóa, khi các cổ phiếu đầu ngành (VIC, VHM và KDH) giảm điểm trong khi các cổ phiếu vốn hóa nhỏ hơn (DXG, NVL) và BĐS KCN (KBC, IDC) tăng điểm.
- **Mặc dù có những dấu hiệu tích hơn về mặt kỹ thuật và thanh khoản đặc biệt từ phiên giao dịch thứ 5 ngày 5/12, chúng tôi vẫn giữ quan điểm thận trọng cho rằng thị trường khó có thể vượt mức 1,300 trong các tuần cuối của năm 2024 và sẽ giao động trong biên độ 1,260-1,280 đến hết tháng 12/2024.**

Chỉ số và Thanh khoản sàn HOSE



Giá trị giao dịch trung bình của VN-Index theo tháng



10. Nhóm Công nghệ Thông tin (FPT) vượt trội so với thị trường

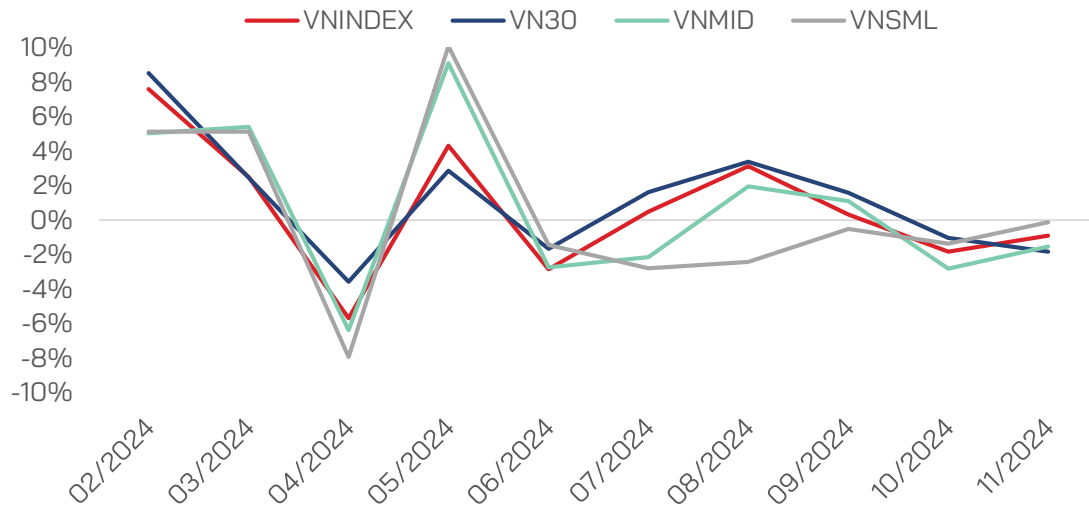
NGÀNH	TỶ TRỌNG DÒNG TIỀN									TĂNG/GIẢM CHỈ SỐ					
	03/2024	04/2024	05/2024	06/2024	07/2024	08/2024	09/2024	10/2024	11-2024	1 THÁNG	3 THÁNG	6 THÁNG	9 THÁNG	1 NĂM	YTD
Ngân hàng	15.84%	18.81%	15.98%	17.23%	18.88%	17.95%	23.33%	27.89%	19.12%	-1.0%	0.6%	5.4%	2.8%	24.9%	22.3%
Bất động sản	21.55%	22.44%	17.38%	14.47%	15.58%	18.73%	18.39%	17.24%	19.82%	-0.2%	-2.8%	-2.6%	-3.4%	4.0%	0.0%
Dịch vụ tài chính	19.29%	16.82%	13.97%	12.21%	10.25%	13.49%	14.42%	13.35%	11.23%	-4.8%	-6.6%	-12.2%	-8.6%	6.2%	1.2%
Công nghệ Thông tin	1.59%	2.00%	3.30%	5.77%	5.10%	3.82%	3.57%	2.98%	5.89%	6.4%	7.8%	20.9%	51.9%	78.2%	69.3%
Xây dựng và Vật liệu	6.64%	5.31%	4.97%	5.17%	4.48%	4.34%	4.37%	3.93%	4.91%	0.8%	2.4%	3.8%	7.9%	16.0%	12.0%
Thực phẩm và đồ uống	7.85%	7.16%	9.21%	8.32%	8.02%	9.15%	7.58%	8.23%	7.92%	0.4%	1.5%	7.7%	19.2%	32.0%	27.8%
Tài nguyên Cơ bản	6.45%	5.55%	6.54%	7.13%	6.67%	6.27%	6.56%	5.89%	5.67%	-1.0%	0.7%	-3.3%	0.4%	13.2%	8.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.45%	5.30%	7.15%	8.22%	6.56%	4.60%	3.42%	3.86%	6.07%	7.6%	10.2%	28.1%	52.0%	76.3%	75.4%
Hóa chất	4.55%	4.02%	5.77%	6.36%	6.55%	5.40%	5.20%	3.97%	5.04%	-2.0%	-4.8%	-4.4%	13.1%	45.7%	38.8%
Bán lẻ	3.83%	4.01%	4.59%	3.29%	4.91%	4.78%	4.05%	4.63%	4.53%	-3.6%	-6.9%	6.1%	33.4%	62.4%	49.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.53%	1.35%	2.36%	2.27%	2.64%	2.71%	1.91%	1.47%	2.17%	1.6%	-1.2%	5.2%	17.9%	31.6%	26.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.12%	1.16%	1.81%	2.55%	2.91%	2.42%	1.77%	1.28%	1.68%	-1.3%	-3.6%	-1.4%	7.7%	15.6%	13.3%
Dầu khí	2.75%	3.89%	3.80%	3.20%	3.28%	3.51%	2.99%	2.62%	1.86%	-5.5%	-15.7%	-8.5%	7.7%	9.7%	12.6%
Du lịch và Giải trí	0.40%	0.83%	1.25%	1.32%	1.54%	0.95%	0.82%	0.95%	1.30%	11.4%	12.5%	3.2%	44.0%	48.4%	40.8%
Viễn thông	0.31%	0.52%	0.64%	0.91%	0.88%	0.70%	0.38%	0.51%	1.36%	22.6%	29.2%	11.3%	174.4%	234.3%	238.3%
Bảo hiểm	0.17%	0.11%	0.32%	0.40%	0.41%	0.33%	0.25%	0.18%	0.22%	8.1%	4.4%	1.6%	12.2%	20.4%	19.8%
Y tế	0.18%	0.19%	0.30%	0.39%	0.61%	0.35%	0.45%	0.37%	0.38%	1.4%	2.2%	11.5%	19.6%	28.5%	24.4%
Ô tô và phụ tùng	0.36%	0.40%	0.53%	0.59%	0.57%	0.37%	0.41%	0.50%	0.57%	-2.1%	-8.0%	-9.2%	2.6%	20.1%	11.5%
Truyền thông	0.14%	0.13%	0.13%	0.20%	0.19%	0.11%	0.14%	0.15%	0.25%	-13.4%	-21.3%	-15.8%	2.0%	8.3%	16.2%

Nguồn: HDS tổng hợp

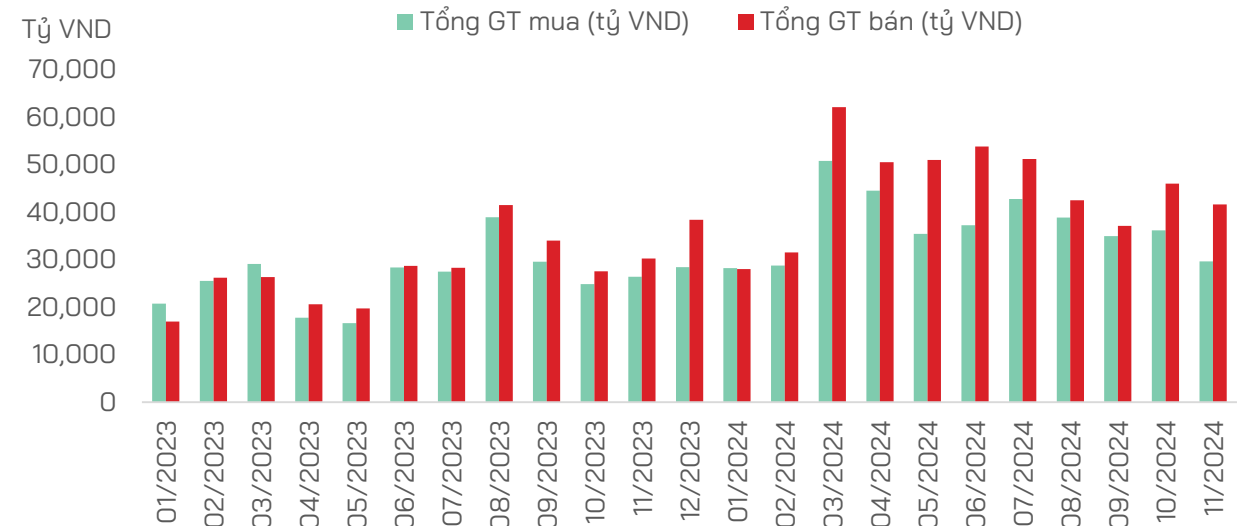
11. Khối ngoại tiếp tục gây áp lực lớn lên thị trường

- **Tỷ trọng dòng tiền giảm trở lại ở nhóm vốn hóa lớn (VN30) từ 54.4% xuống còn 50.1%**, trong khi tăng trở lại ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ. Về biến động giá, cả 3 nhóm đều giảm đồng thuận với thị trường, trong đó nhóm VN30 giảm mạnh nhất (-20.4%), tiếp đến là VNMID (-1.6%) và VNSML (-0.22%).
- **Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trong tháng 11 với 12,004 tỷ đồng**, Top bán ròng của khối ngoại trong tháng tiếp tục là các cổ phiếu ngành Bất động sản với Top bán ròng gồm các cổ phiếu: VHM, SSI, MSN, VCB, HDB.
- **Dòng tiền của Nhà đầu tư cá nhân mua ròng 2,397 tỷ đồng**, mua ròng các cổ phiếu nhóm Dịch vụ Tài chính với Top mua ròng gồm: SSI, MSN, HDB, CMG, VNM, GVR, VRE, FRT.
- **Nhóm Tự doanh mua ròng 244 tỷ đồng**, mua ròng mạnh nhất là nhóm Ngân hàng và Công nghệ Thông tin với Top mua ròng gồm: FPT, MBB, HDG, ACB, VTP, MWG.
- **Nhà đầu tư Tổ chức trong nước mua ròng 7,959 tỷ đồng**, mua ròng nhóm Ngân hàng với Top mua ròng gồm: VHM, VCB, MWG, HPG, GMD, VCI.

Hiệu suất nhóm vốn hóa theo tháng



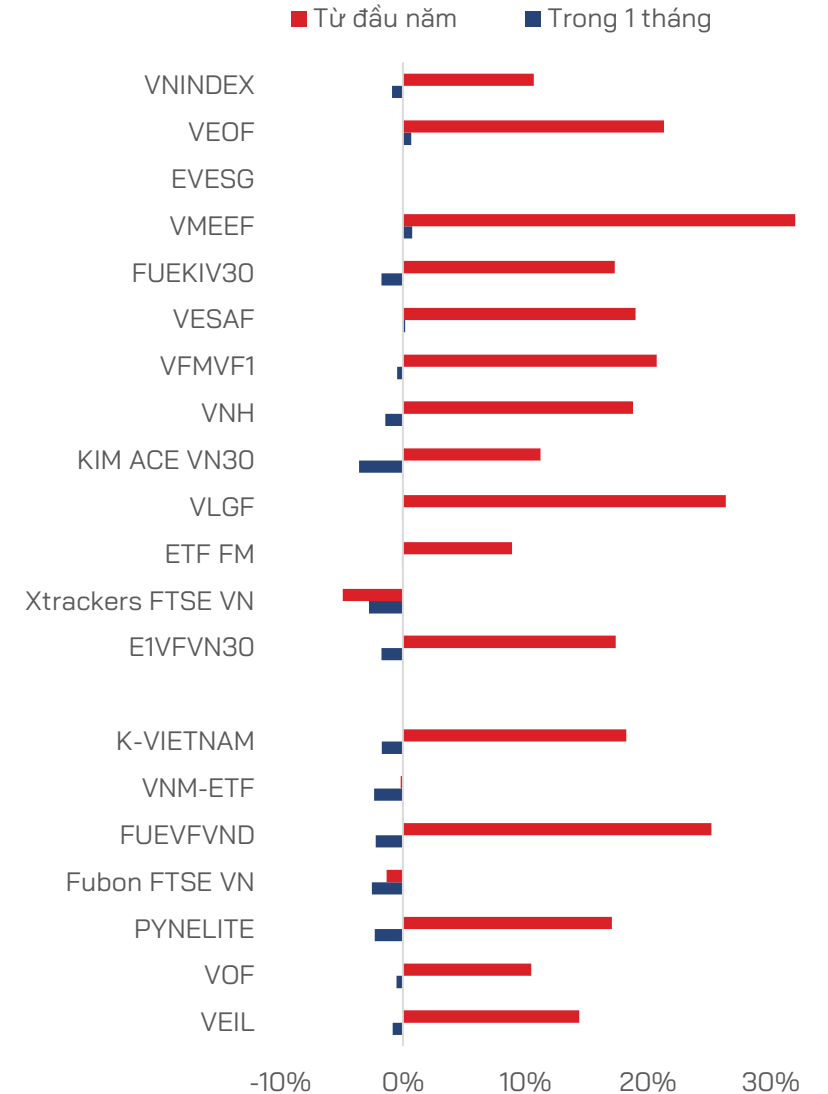
Dòng tiền mua bán của Khối ngoại



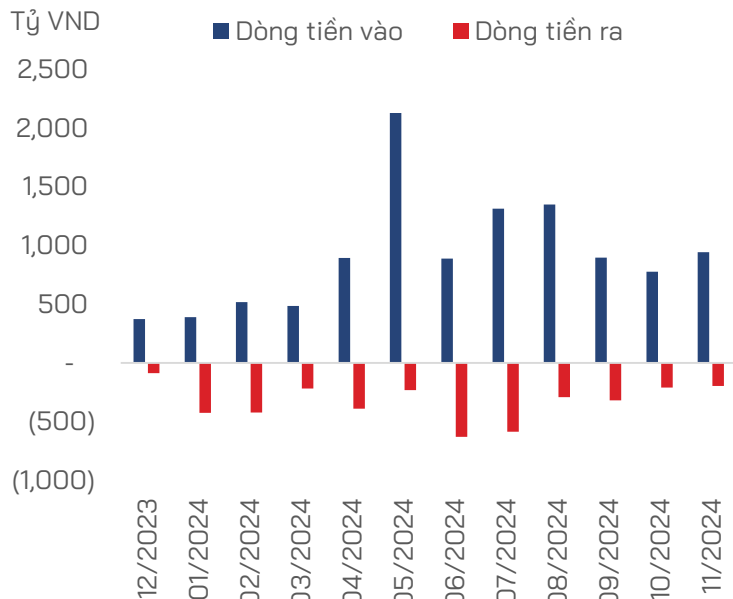
12. Hiệu suất trong tháng 11 của hầu hết các quỹ cổ phiếu kém tích cực

- **Hiệu suất cổ phiếu tháng 11 của hầu hết các quỹ (quỹ có NAV > 1,000 tỷ VND) đều âm**, trong bối cảnh thị trường chung đang kém tích cực, có 16 quỹ âm/ 4 quỹ dương. Trong đó, Quỹ VMEEF nổi bật khi có hiệu suất trong tháng 0.75%.
- **Tính từ đầu năm tới nay, phần lớn các quỹ (NAV > 1,000 tỷ VND) cổ phiếu đều duy trì hiệu suất dương tích cực**, với 14/6 quỹ tăng trưởng vượt VN-Index, dẫn đầu là các quỹ VMEEF, VLGF hay FUEVFNVD và cả 3 nhóm đều nắm giữ nhiều các cổ phiếu FPT, ACB và MWG.
- **Danh mục quỹ:** Những cổ phiếu được các quỹ mua ròng mạnh trong tháng 11/2024 gồm VPB, KDH, HVN, VIB, IDC. Ở chiều ngược lại, HDB, HPG, MBB là các cổ phiếu mà quỹ bán ròng mạnh.

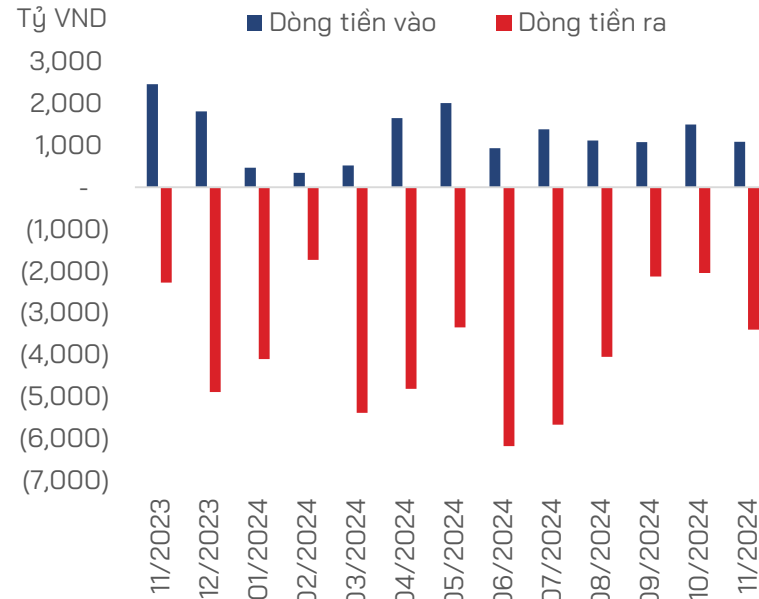
Hiệu Suất tháng 11 của các quỹ cổ phiếu



Dòng tiền của Quỹ mở



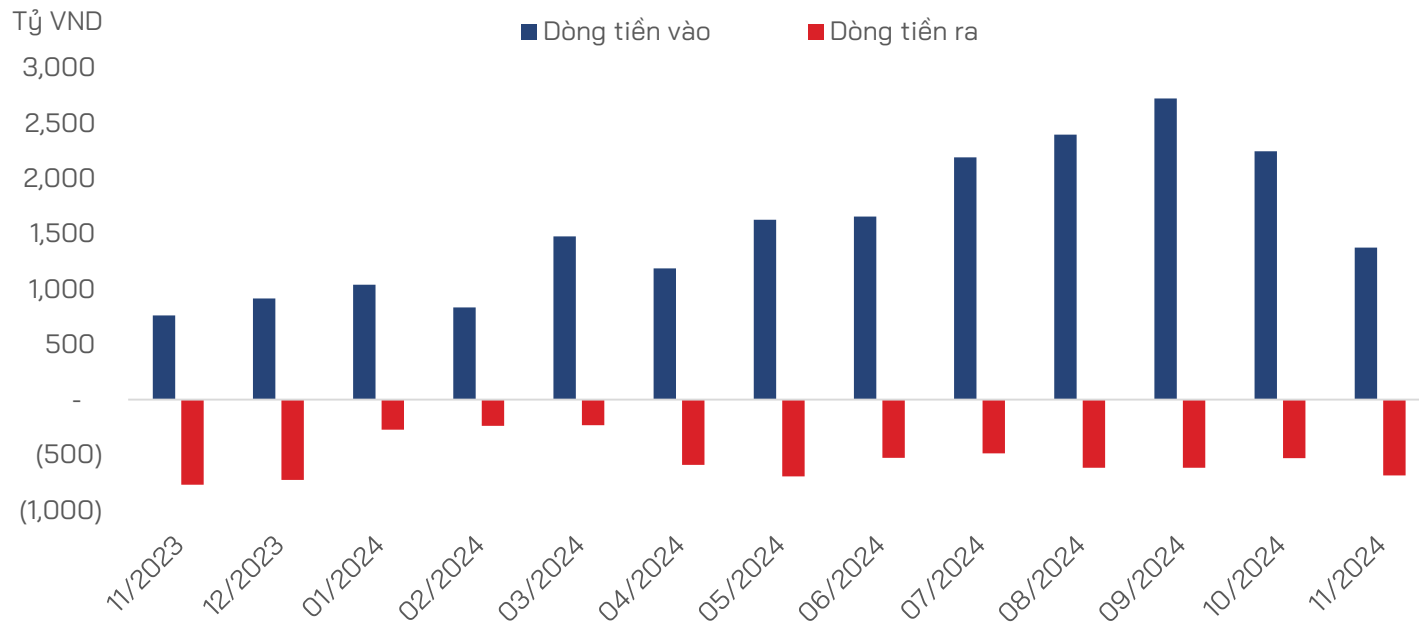
Dòng tiền từ Quỹ ETF



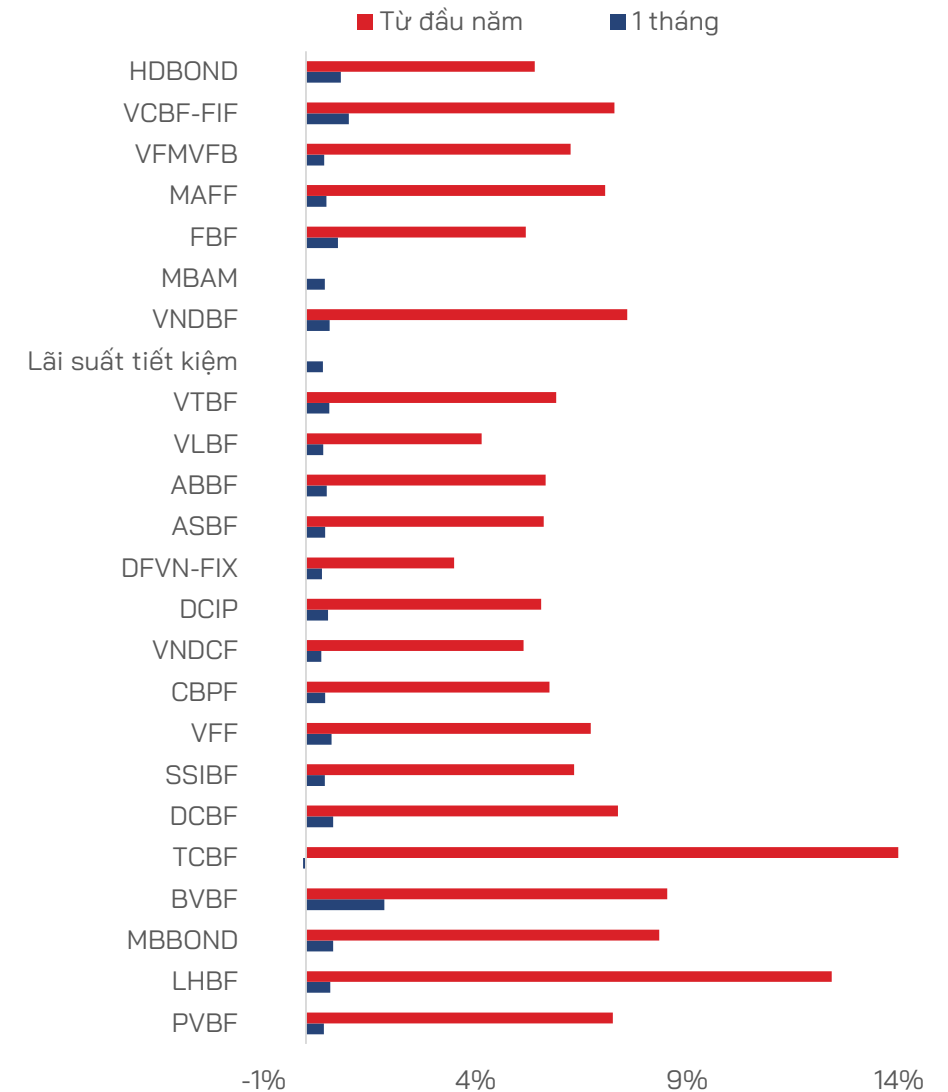
13. Dòng tiền vào các quỹ đầu tư trái phiếu giảm mạnh trong tháng 11

- Nhóm quỹ đầu tư Trái phiếu tiếp tục ghi nhận dòng vốn vào đạt **690 tỷ đồng trong tháng 11/2024**, giảm mạnh -59.8% so với tháng trước và giảm -67.3% so với mức vào ròng đỉnh thiết lập trong tháng 9/2024, dòng vốn vào ròng yếu đi chủ yếu do tác động từ quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF).
- **Dòng tiền vào quỹ trái phiếu lũy kế 1 năm đạt 13.27 nghìn tỷ đồng.** Trong đó, nhóm TCBF duy trì phần lớn tỷ trọng khi chiếm 82.12% đạt 10.9 nghìn tỷ đồng vào ròng với hiệu suất vượt xa các quỹ khác ở mức 11.5% (YTD%)

Dòng tiền Quỹ trái phiếu




Hiệu suất tháng 11 của các quỹ đầu tư trái phiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 www.hdbs.vn


TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666


CHI NHÁNH HÀ NỘI


 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 hdbs.vn/trung-tam-phan-tich

 research@hdbs.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin về thị trường được cung cấp trên đây do Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích thu thập từ các nguồn được coi là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Việc cung cấp các thông tin này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, HDS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây vào hoạt động kinh doanh. Các thông tin trên đây hoàn toàn có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và HDS không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Bản tin này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.